

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-01-2024

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HOÁ, TỈNH LONG AN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đặng Nguyễn Phương Chi*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lý Thị Diễm

2. Ông Võ Ngọc Bột

*- Thư ký phiên toà: ông Lê Ngọc Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An*

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Đinh Thị Huỳnh N**, sinh năm: 1998

Địa chỉ: ấp 3, xã Tân Lập, huyện Mộc Hoá, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1995

Địa chỉ: **ấp G, xã T, huyện M, tỉnh Long An**

(Bà **N** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông **T** vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn - bà **Đinh Thị Huỳnh N** trình bày: bà **N** và ông **T** chung sống với nhau từ năm 2016, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T, huyện M, tỉnh Long An** vào ngày 04/3/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ khoảng tháng 4 năm 2023 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra bà **N** phát hiện ông **T** có mối quan hệ nam nữ với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho

đến nay. Nay bà **N** nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với ông **T**.

- Về con chung: bà **N** và ông **T** có một con chung tên **Lê Bích T1**, sinh ngày 13/11/2016. Con chung hiện nay do bà **N** đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà **N** yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/10/2023, bà **N** yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Tuy nhiên ngày 13/12/2023, bà **N** xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà **N** xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, bà **N** không yêu cầu ông **T** cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này.

- Về tài sản chung: bà **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.- Về nợ chung: không có nên bà **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông **Lê Văn T** vắng mặt không lý do. Ông **T** không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **N**.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn **Đinh Thị Huỳnh N** với bị đơn **Lê Văn T** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông **Lê Văn T** có địa chỉ cư trú tại **xã T, huyện M, tỉnh Long An** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà **N** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông **T** vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Ông **T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông **T** vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án. Ông **T** cũng không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà **N**. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **N** và ông **T** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà **N** và ông **T** chung sống với nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Long An** vào ngày 04/3/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà **N** thì trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau, ngoài ra ông **T** có mối quan hệ nam nữ với người khác nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Do có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên bà **N** và ông **T** đã ly thân từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà **N** và ông **T** mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, không có thiện chí và giải pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông **T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả



các văn bản tố tụng nhưng ông T đã vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án. Ông T không quan tâm, không mong muốn giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn đoàn tụ với bà N. Bà N kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của bà N và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, bà N được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà N và ông T có một con chung tên Lê Bích T1, sinh ngày 13/11/2016. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 31/10/2023, bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Tuy nhiên ngày 13/12/2023, bà N xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà N xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng, bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án này. Xét thấy con chung hiện đang sống chung với bà N. Theo bản tự khai ngày 13/12/2023 của cháu T1 thì cháu T1 có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ông T không cung cấp ý kiến tranh chấp về nuôi con chung. Xét thấy để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung, tránh thay đổi môi trường sống, môi trường học tập của con chung nên Hội đồng xét xử cần giao con chung cho bà N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà N xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N nên được chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: bà Như không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không cung cấp ý kiến tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng theo quy định. Ông T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Huỳnh N đối với ông Lê Văn T.

- Bà Đinh Thị Huỳnh N được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: bà **Đinh Thị Huỳnh N** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên **Lê Bích T1**, sinh ngày 13/11/2016.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.**

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị Huỳnh N** đối với ông **Lê Văn T** về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền khởi kiện lại được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về án phí: bà **Đinh Thị Huỳnh N** có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà **N** đã nộp theo biên lai thu số 0003015 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hoá sang án phí, bà **N** không phải nộp thêm. Bà **N** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng theo quy định. Ông **Lê Văn T** không phải chịu án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hoá;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hoá;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Đặng Nguyễn Phương Chi***

